



CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH THAM GIA HOẠT ĐỘNG
TÌNH NGUYỆN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU
FACTORS INFLUENCING STUDENTS' PARTICIPATION IN VOLUNTEER
ACTIVITIES AT BAC LIÊU UNIVERSITY

Võ Thị Phương Hồng Hợp*, La Thùy Diễm

Trường Đại học Bạc Liêu

*vtphhop@blu.edu.vn

Ngày nhận bài:
27/01/2026
Ngày chấp nhận
đăng: 23/4/2026

Keywords:

Students,
volunteer
activities, Bac
Lieu University.

ABSTRACT

This study was conducted to identify and evaluate the factors influencing the decision to participate in volunteer activities among students at Bac Lieu University. Therefore, the study proposes managerial implications to help the university develop and improve policies and programs that promote volunteer activities, while also contributing to the development of students' soft skills. With a combination of qualitative and quantitative methods, the research results show that there are seven factors affecting students' decisions to take part in volunteer activities, including: functional value, social value, emotional value, knowledge value, career value, conditional value, and media brand. Among these, knowledge value has the strongest influence, while social value has the weakest influence.

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý quản trị giúp nhà trường xây dựng và hoàn thiện các chính sách, chương trình thúc đẩy hoạt động tình nguyện, đồng thời, góp phần phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên. Thông qua việc kết hợp phương pháp định tính và định lượng, kết quả nghiên cứu cho thấy có bảy nhân tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên, bao gồm: giá trị chức năng, giá trị xã hội, giá trị cảm xúc, giá trị tri thức, giá trị nghề nghiệp, giá trị điều kiện và thương hiệu truyền thông. Trong đó, yếu tố giá trị tri thức có ảnh hưởng mạnh nhất, yếu tố giá trị xã hội có ảnh hưởng yếu nhất.

Từ khóa: Sinh
viên, hoạt động
tình nguyện,
Trường Đại học
Bạc Liêu.

1. Giới thiệu

Hoạt động tình nguyện được xem là một hình thức tham gia xã hội quan trọng, mang lại lợi ích cho cả cộng đồng và cá nhân người tham gia. Các nghiên cứu gần đây cho thấy việc tham gia hoạt động tình nguyện giúp cá nhân gia tăng cảm xúc tích cực, cảm nhận được niềm vui, sự hài lòng và ý nghĩa trong cuộc sống thông qua việc chia sẻ và hỗ trợ những người gặp khó khăn (Thoits, 2015; Wilson, 2012). Thông qua các hoạt động tình nguyện, cá nhân có điều kiện thể hiện tinh thần nhân ái, sự sẻ chia và ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng; qua đó góp phần tăng cường sự gắn kết, thúc đẩy các giá trị nhân văn trong đời sống xã hội (Nguyễn, 2016). Đối với sinh viên, hoạt động tình nguyện không chỉ mang ý nghĩa xã hội mà còn đóng vai trò như một môi trường học tập trải nghiệm quan trọng trong giáo dục đại học. Nhiều nghiên cứu đã khẳng định tham gia hoạt động tình nguyện giúp sinh viên phát triển các kỹ năng mềm thiết yếu như: giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian, giải quyết vấn đề và nâng cao tinh thần trách nhiệm xã hội (Handy và cộng sự, 2010; Holdsworth, 2016). Đồng thời, các trải nghiệm tình nguyện

còn giúp sinh viên tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, tăng khả năng thích ứng với môi trường làm việc và cải thiện cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp (Clerkin và cộng sự, 2017; Lee & Won, 2018).

Trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam, phong trào sinh viên tình nguyện đã và đang được triển khai rộng khắp, trở thành một nội dung quan trọng trong công tác giáo dục toàn diện cho sinh viên. Những năm qua, các hoạt động tình nguyện do Đoàn thanh niên và Hội sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu tổ chức luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ tích cực từ Đảng ủy, Ban Giám hiệu và các cơ quan, đơn vị liên quan. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy mức độ và quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên còn có sự khác biệt đáng kể, chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như: động cơ cá nhân, ảnh hưởng xã hội, điều kiện tổ chức và hiệu quả truyền thông của các chương trình tình nguyện (Bussell & Forbes, 2002). Điều này đặt ra yêu cầu cần có những nghiên cứu nhằm xác định và đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên trong từng bối cảnh giáo dục cụ thể. Xuất phát từ những cơ sở lý luận và thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu đề tài: ***“Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu”*** là hết sức cần thiết.

2. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Các nghiên cứu trong và ngoài nước về quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên cho thấy đây là một hành vi xã hội phức hợp, chịu sự chi phối đồng thời của các động cơ cá nhân, ảnh hưởng xã hội và điều kiện tổ chức. Trên thế giới, nhiều công trình nghiên cứu tiếp cận vấn đề này dựa trên các mô hình động cơ tình nguyện, tiêu biểu là mô hình giá trị chức năng (Volunteer Functions Inventory – VFI) (Clary và cộng sự, 1998), khẳng định sinh viên tham gia hoạt động tình nguyện nhằm thỏa mãn các giá trị như giá trị chức năng, giá trị xã hội, giá trị cảm xúc, giá trị tri thức và giá trị nghề nghiệp. Trên cơ sở đó, nhiều nghiên cứu gần đây tiếp tục mở rộng và kiểm định mô hình này trong bối cảnh giáo dục đại học hiện đại. Chẳng hạn, Handy và cộng sự (2010) cho thấy động cơ học hỏi, tích lũy kinh nghiệm và nâng cao khả năng tuyển dụng là những yếu tố có ảnh hưởng mạnh đến quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên. Bên cạnh đó, các nghiên cứu của (Bussell & Forbes, 2002; Holdsworth, 2016) cho thấy ngoài động cơ nội tại, các yếu tố về điều kiện tham gia, môi trường tổ chức, cơ hội phát triển kỹ năng và hiệu quả truyền thông của các chương trình tình nguyện có tác động đáng kể đến ý định và hành vi tham gia của sinh viên. Đặc biệt, trong bối cảnh cạnh tranh giữa các tổ chức và chương trình tình nguyện, hình ảnh và thương hiệu truyền thông được Bennett và Barkensjo (2005), cũng như Lee và Won (2018) khẳng định là yếu tố quan trọng giúp gia tăng nhận thức tích cực và thúc đẩy quyết định tham gia của người trẻ.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về hoạt động tình nguyện của sinh viên trong những năm gần đây có nhiều điểm tương đồng với xu hướng nghiên cứu quốc tế, song được điều chỉnh phù hợp với bối cảnh giáo dục đại học trong nước. Nghiên cứu của Đỗ và cộng sự (2023) cho thấy quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên chịu ảnh hưởng mạnh từ các yếu tố xã hội như gia đình, bạn bè và cộng đồng, đồng thời nhấn mạnh vai trò quan trọng của sự động viên, hỗ trợ và định hướng từ nhà trường và giảng viên. Dưới góc độ phát triển cá nhân và nghề nghiệp, Nguyễn (2023) cho rằng tham gia hoạt động tình nguyện giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm thiết yếu như làm việc nhóm, giao tiếp, quản lý thời gian và tư duy phản biện, đồng thời tạo lợi thế trong việc xây dựng hồ sơ cá nhân và nâng cao cơ hội việc làm trong tương lai. Bên cạnh đó, Võ (2020) tiếp cận vấn đề từ động cơ nội tại, cho rằng lòng nhân ái, tinh thần trách nhiệm xã hội và mong muốn đóng góp cho cộng đồng là những yếu tố then chốt thúc đẩy thanh niên tham gia hoạt động tình nguyện; tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra hiệu quả của một số hoạt động tình nguyện còn hạn chế do thiếu tính trải nghiệm và sáng tạo, dẫn đến việc chưa tạo ra giá trị bền vững cho đối tượng thụ hưởng và khiến một bộ phận sinh viên vẫn còn thờ ơ, chưa cảm nhận đầy đủ ý nghĩa của các hoạt động này.

2.2. Cơ sở lý thuyết

2.2.1. Khái niệm hoạt động tình nguyện

Hoạt động tình nguyện được hiểu là một hành vi xã hội mang tính tự nguyện, trong đó cá nhân hoặc nhóm sẵn sàng đóng góp thời gian, công sức, kỹ năng và nguồn lực của mình nhằm hỗ trợ người khác và phục vụ lợi ích cộng đồng, không vì mục đích vật chất hay lợi ích cá nhân (Nguyễn, 2016).

Đồng thời, hoạt động tình nguyện còn được xem là một hình thức học tập trải nghiệm hiệu quả, giúp sinh viên vừa cống hiến cho xã hội vừa phát triển kỹ năng cá nhân, năng lực xã hội, ý thức trách nhiệm cộng đồng và khả năng thích ứng với môi trường nghề nghiệp thông qua các hoạt động thực tiễn (Nguyễn, 2019).

2.2.2. Vai trò của hoạt động tình nguyện

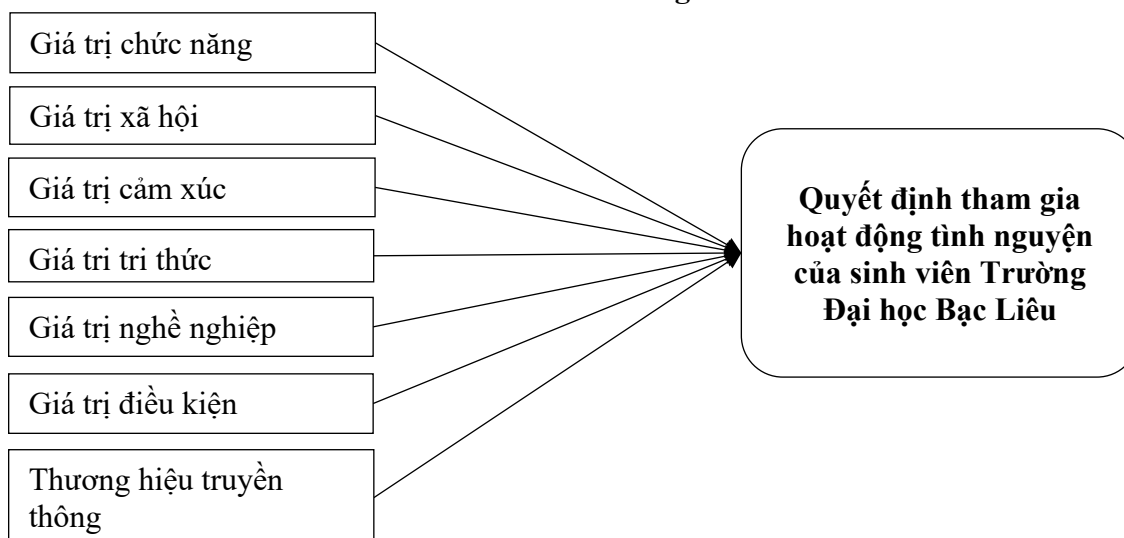
Hoạt động tình nguyện giữ vai trò quan trọng không chỉ đối với cộng đồng mà còn đối với sự phát triển toàn diện của cá nhân, đặc biệt là sinh viên trong môi trường giáo dục đại học. Trước hết, xét ở góc độ xã hội, hoạt động tình nguyện góp phần giải quyết các vấn đề cộng đồng, hỗ trợ các nhóm yếu thế và thúc đẩy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm xã hội và lòng nhân ái trong xã hội (Wilson, 2012). Thông qua các hoạt động vì lợi ích chung, tình nguyện còn góp phần lan tỏa các giá trị đạo đức tích cực, xây dựng một xã hội nhân văn và phát triển bền vững (UNESCO, 2024). Ở góc độ giáo dục và phát triển cá nhân, nhiều nghiên cứu khẳng định hoạt động tình nguyện là một hình thức học tập trải nghiệm hiệu quả, giúp sinh viên phát triển các kỹ năng mềm thiết yếu như: giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, quản lý thời gian và giải quyết vấn đề (Holdsworth, 2016). Bên cạnh đó, việc tham gia tình nguyện còn giúp sinh viên mở rộng mối quan hệ xã hội, nâng cao sự tự tin và khả năng thích ứng với môi trường làm việc trong tương lai (Handy và cộng sự, 2010). Ngoài ra, hoạt động tình nguyện còn đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng nghề nghiệp và nâng cao khả năng tuyển dụng của sinh viên. Các nghiên cứu gần đây cho thấy kinh nghiệm tình nguyện được các nhà tuyển dụng đánh giá cao vì thể hiện tinh thần trách nhiệm, khả năng làm việc trong môi trường thực tiễn và thái độ tích cực đối với cộng đồng (Bussell & Forbes, 2017). Đối với sinh viên, tình nguyện không chỉ là cơ hội đóng góp cho xã hội mà còn là phương thức tích lũy kinh nghiệm, hoàn thiện hồ sơ cá nhân và nâng cao lợi thế cạnh tranh trên thị trường lao động.

3. Mô hình nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

Trên cơ sở lý thuyết cùng lược khảo tài liệu của các nghiên cứu liên quan, nhóm tác giả nhận thấy đa số các nghiên cứu tập trung vào các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên. Vì vậy nhóm tác giả quyết định kế thừa nghiên cứu của Đặng (2017) để nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.

Ngoài ra, nhóm tác giả cũng chọn lọc yếu tố trong các nghiên cứu còn lại để đưa ra mô hình nghiên cứu đề xuất. Qua chọn lọc, nhóm tác giả quyết định đưa yếu tố giá trị nghề nghiệp của (Nguyễn & Nguyễn, 2022) vào mô hình nghiên cứu đề xuất. Như vậy, mô hình nghiên cứu đề xuất gồm 7 yếu tố bao gồm: (1) giá trị chức năng, (2) giá trị xã hội, (3) giá trị cảm xúc, (4) giá trị tri thức, (5) giá trị nghề nghiệp, (6) giá trị điều kiện, (7) thương hiệu truyền thông.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

Dựa theo mô hình nghiên cứu được đề xuất cùng với lược khảo tài liệu của các nghiên cứu liên quan, nhóm tác giả đặt ra các giả thuyết như sau:

- Giả thuyết 1 (H1): giá trị chức năng (GTCN) có tác động cùng chiều đến quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.

- Giả thuyết 2 (H2): giá trị xã hội (GTXH) có tác động cùng chiều đến quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.

- Giả thuyết 3 (H3): giá trị cảm xúc (GTCX) có tác động cùng chiều đến quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.

- Giả thuyết 4 (H4): giá trị tri thức (GTTT) có tác động cùng chiều đến quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.

- Giả thuyết 5 (H5): giá trị nghề nghiệp (GTNN) có tác động cùng chiều đến quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.

- Giả thuyết 6 (H6): giá trị điều kiện (GTDK) có tác động cùng chiều đến quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.

- Giả thuyết 7 (H7): thương hiệu truyền thông (THTT) có tác động cùng chiều đến quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.

Trên cơ sở mô hình nghiên cứu và các giả thuyết đã được đề xuất, nghiên cứu tiếp tục tiến hành xây dựng thang đo cho các biến trong mô hình, nhằm đảm bảo đo lường đầy đủ và phù hợp các khái niệm nghiên cứu, làm cơ sở cho việc thu thập và phân tích dữ liệu định lượng.

Bảng 1: Tổng hợp thang đo

TT	Yếu tố	Biến quan sát	Thang đo	Nguồn
1	Giá trị chức năng	GTCN1	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện để giúp đỡ các nhóm yếu thế (trẻ em, phụ nữ, người già, người tàn tật...).	Đặng (2017)
		GTCN2	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện để truyền bá các giá trị tốt đẹp trong cộng đồng (lòng thương người, sự cảm thông và chia sẻ, tinh thần xung kích, tinh thần hội nhập...).	
		GTCN3	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện để góp phần cải thiện các vấn đề tồn đọng của cộng đồng và xã hội (ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội).	
		GTCN4	Tôi tham gia một chương trình tình nguyện khi các hoạt động trong chương trình này được tổ chức tốt.	
2	Giá trị xã hội	GTXH1	Tôi tham gia một hoạt động tình nguyện khi bạn bè, cùng tham gia.	Đặng (2017)
		GTXH2	Tôi tham gia một hoạt động tình nguyện khi có sự đồng tình gia đình, người thân.	
		GTXH3	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện khi các hoạt động này được xã hội công nhận, đề cao và tôn vinh.	
		GTXH4	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện để tạo hình ảnh tốt cho bản thân.	
		GTXH5	Tôi tham gia tình nguyện khi đây là trào lưu trong học đường.	
3	Giá trị cảm xúc	GTCX1	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện khi các hoạt động này mang lại cho tôi sự thư giãn.	Đặng (2017)
		GTCX2	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện khi các hoạt động này mang lại cho tôi sự vui vẻ, thoải mái.	

		GTCX3	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện khi các hoạt động này mang lại cho tôi nhiều bất ngờ.	
		GTCX4	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện để tìm kiếm những trải nghiệm.	
		GTCX5	Tôi tham gia tình nguyện để tự tin hơn và giảm stress.	
4	Giá trị tri thức	GTTT1	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện để có thêm kinh nghiệm sống.	Đặng (2017)
		GTTT2	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện để học tập thêm các kỹ năng cần thiết.	
		GTTT3	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện để mở rộng kiến thức và trau dồi bản thân.	
		GTTT4	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện để kết giao và mở rộng mối quan hệ xã hội.	
5	Giá trị nghề nghiệp	GTNN1	Kinh nghiệm tình nguyện sẽ tốt cho nghề nghiệp tương lai của tôi.	Nguyễn và Nguyễn (2022)
		GTNN2	Tình nguyện giúp tôi có thể tạo những mối liên hệ mới có thể giúp ích cho công việc hoặc sự nghiệp của tôi.	
		GTNN3	Tình nguyện cho phép tôi khám phá và có các lựa chọn nghề nghiệp khác nhau.	
		GTNN4	Tình nguyện có thể giúp tôi có cơ hội được làm ở một nơi mà tôi muốn làm việc	
6	Giá trị điều kiện	GTĐK1	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện khi có trạng thái tâm sinh lý tốt.	Đặng (2017)
		GTĐK2	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện để tận dụng quỹ thời gian của mình.	
		GTĐK3	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện khi có đủ điều kiện tài chính.	
		GTĐK4	Tôi tham gia một hoạt động tình nguyện khi cơ sở vật chất và điều kiện di chuyển thuận lợi.	
		GTĐK5	Tôi tham gia một hoạt động tình nguyện nếu tổ chức vào dịp hè hoặc nghỉ lễ.	
7	Thương hiệu truyền thông	THTT1	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện khi chương trình có nhiều ưu đãi hoặc vật phẩm dành cho tình nguyện viên (áo thun, huy hiệu, quà tặng...).	Đặng (2017)
		THTT2	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện khi chương trình được truyền thông rộng rãi (fanpage Đoàn – Hội, CLB, bài viết, poster...).	
		THTT3	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện khi thông tin chương trình rõ ràng, chi tiết và dễ tiếp cận.	Đề xuất
		THTT4	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện khi chương trình được giới thiệu bởi các tổ chức uy tín (Đoàn trường, Hội Sinh viên trường).	Đề xuất
		THTT5	Tôi tham gia hoạt động tình nguyện khi chương trình có hình ảnh thương hiệu đẹp, nhận diện rõ ràng (logo, khẩu hiệu, màu sắc...).	Đề xuất

8	Quyết định tham gia tình nguyện	QĐTN1	Tôi sẵn sàng tham gia hoạt động tình nguyện trong thời gian tới.	Đặng (2017)
		QĐTN2	Tôi sẽ khuyến khích bạn bè, người thân, đồng nghiệp tham gia hoạt động tình nguyện.	
		QĐTN3	Tôi sẵn sàng tham gia tình nguyện khi các hoạt động này được tổ chức tốt và bài bản.	
		QĐTN4	Tôi chỉ tham gia tình nguyện đối với những hoạt động lớn, có sức ảnh hưởng đến xã hội.	

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp, 2025.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 300 sinh viên các khoa đang học tại trường năm học 2025 – 2026. Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng.

Phương pháp nghiên cứu định tính được sử dụng để khám phá, điều chỉnh và bổ sung thang đo trong mô hình nghiên cứu. Cụ thể, trên cơ sở lược khảo lý thuyết và các nghiên cứu liên quan, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu và thang đo dự kiến của các khái niệm trong mô hình nghiên cứu. Sau đó, sử dụng phương pháp thảo luận nhóm gồm 10 giảng viên và 10 sinh viên đang học tập tại trường để điều chỉnh các thang đo trong mô hình nghiên cứu.

Phương pháp định lượng được sử dụng thu thập dữ liệu thông qua công cụ bảng câu hỏi được thiết kế dựa trên thang đo Likert 5 mức độ nhằm đánh giá mức độ quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu. Từ đó, nhóm tác giả sử dụng phần mềm SPSS để xử lý số liệu cụ thể: Đánh giá độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha; Phân tích nhân tố khám phá EFA; Phân tích hồi quy tuyến tính.

4.2. Phương pháp chọn mẫu

Theo Hoàng và Chu (2008), trong phân tích nhân tố thì thông thường số quan sát (cỡ mẫu) ít nhất phải bằng 4 hay 5 lần số biến. Trong mô hình nghiên cứu này, có 7 biến độc lập bao gồm 32 biến quan sát và 1 biến phụ thuộc bao gồm 5 biến quan sát. Do đó, số mẫu cần thiết là $37 \times 5 = 185$ mẫu trở lên. Để đảm bảo cho tính chính xác của nghiên cứu nên tác giả chọn số lượng mẫu để khảo sát là 300 mẫu. Mẫu số liệu được thu thập theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện vì nhóm tác giả là giảng viên của Trường Đại học Bạc Liêu nên dễ dàng tiếp cận gửi mẫu khảo sát trong trường.

5. Kết quả và thảo luận

5.1. Kết quả thống kê mẫu nghiên cứu

Số phiếu phát ra là 300 phiếu, thu hồi lại được 300 phiếu, đạt tỷ lệ 100%. Kết quả này dùng để thống kê mẫu nghiên cứu và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.

5.2. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Qua kết quả phân tích đánh giá độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha ta thấy: Các thang đo đều có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6. Đồng thời, tất cả các biến quan sát của các yếu tố đều có tương quan biến tổng $> 0,3$. Như vậy, các thang đo đáp ứng độ tin cậy và tiếp tục sử dụng trong phân tích nhân tố. Kết quả kiểm định thang đo của 7 nhân tố như sau:

- + Giá trị chức năng: gồm 4 biến quan sát là GTCN1, GTCN2, GTCN3, GTCN4.
- + Giá trị xã hội: gồm 5 biến quan sát là GTXH1, GTXH2, GTXH3, GTXH4, GTXH5.
- + Giá trị cảm xúc: gồm 5 biến quan sát là GTCX1, GTCX2, GTCX3, GTCX4, GTCX5.
- + Giá trị tri thức: gồm 4 biến quan sát là GTTT1, GTTT2, GTTT3, GTTT4.
- + Giá trị nghề nghiệp: gồm 4 biến quan sát là GTNN1, GTNN2, GTNN3, GTNN4.
- + Giá trị điều kiện: gồm 5 biến quan sát là GTĐK1, GTĐK2, GTĐK3, GTĐK4, GTĐK5.
- + Thương hiệu truyền thông: gồm 5 biến quan sát là THTT1, THTT2, THTT3, THTT4, THTT5.

+ Quyết định tham gia hoạt động tình nguyện: gồm 5 biến quan sát là QĐTN1, QĐTN2, QĐTN3, QĐTN4, QĐTN5.

Bảng 2: Hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo

Biến quan sát	Biến đặc trưng	Biến bị loại	Cronbach's Alpha
Giá trị chức năng	4	-	0,855
Giá trị xã hội	5	-	0,775
Giá trị cảm xúc	5	-	0,857
Giá trị tri thức	4	-	0,803
Giá trị nghề nghiệp	4	-	0,821
Giá trị điều kiện	5	-	0,818
Thương hiệu truyền thông	5	-	0,849
Quyết định tham gia hoạt động tình nguyện	5	-	0,705

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát, 2025.

5.3. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Kết quả kiểm định KMO và Bartlett các biến độc lập cho chỉ số KMO là $0,840 > 0,5$ và mức ý nghĩa bằng 0 ($\text{sig} = 0,000$). Vì vậy, có thể kết luận phân tích nhân tố để nhóm các biến lại với nhau là thích hợp và dữ liệu phù hợp cho việc phân tích nhân tố.

Bảng 3: Kết quả kiểm định KMO và Bartlett các biến độc lập lần cuối

Hệ số KMO (Kaiser – Meyer – Olkin)		0,840
Mô hình kiểm tra của Bartlett	Giá trị chi bình phương	4131,501
	Bậc tự do	496
	Sig – mức ý nghĩa	0,000

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát, 2025.

Như vậy, qua một lần thực hiện phương pháp rút trích Principal Component và phép quay Varimax, kết quả các nhóm được gom lại lần cuối như sau:

- Nhóm 1 (Giá trị cảm xúc): GTCX1, GTCX2, GTCX3, GTCX4, GTCX5.
- Nhóm 2 (Thương hiệu truyền thông): THTT1, THTT2, THTT3, THTT4, THTT5.
- Nhóm 3 (Giá trị điều kiện): GTĐK1, GTĐK2, GTĐK3, GTĐK4, GTĐK5.
- Nhóm 4 (Giá trị chức năng): GTCN1, GTCN2, GTCN3, GTCN4.
- Nhóm 5 (Giá trị xã hội): GTXH1, GTXH2, GTXH3, GTXH4, GTXH5.
- Nhóm 6 (Giá trị nghề nghiệp): GTNN1, GTNN2, GTNN3, GTNN4.
- Nhóm 7 (Giá trị tri thức): GTTT1, GTTT2, GTTT3, GTTT4.

Bảng 4: Phân tích nhân tố EFA các biến độc lập lần cuối

	Nhân tố						
	1	2	3	4	5	6	7
GTCX1	0,823						
GTCX2	0,810						
GTCX3	0,806						
GTCX5	0,726						
GTCX4	0,697						
THTT1		0,820					
THTT2		0,805					
THTT4		0,774					
THTT5		0,760					
THTT3		0,752					
GTĐK3			0,820				

GTĐK2			0,819				
GTĐK4			0,744				
GTĐK1			0,685				
GTĐK5			0,679				
GTCN2				0,842			
GTCN3				0,800			
GTCN4				0,750			
GTCN1				0,738			
GTXH5					0,765		
GTXH4					0,745		
GTXH3					0,716		
GTXH2					0,639		
GTXH1					0,525		
GTNN2						0,805	
GTNN3						0,789	
GTNN1						0,748	
GTNN4						0,711	
GTTT2							0,774
GTTT4							0,749
GTTT3							0,721
GTTT1							0,684

Phương pháp trích: Phân tích thành phần chính.

Phương pháp xoay: Varimax với chuẩn hóa Kaiser.

Quá trình xoay hội tụ 6 vòng lặp.

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát, 2025.

5.4. Phân tích nhân tố thang đo biến phụ thuộc

Bảng 5: Kiểm định KMO và Bartlett các biến phụ thuộc

Hệ số KMO (Kaiser – Meyer - Olkin)		0,721
Mô hình kiểm tra của Bartlett	Giá trị chi bình phương	208,238
	Bậc tự do	6
	Sig – mức ý nghĩa	0,000

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát, 2025.

Bảng 5 cho thấy, kết quả kiểm định KMO và Bartlett biến phụ thuộc cho chỉ số KMO là $0,721 > 0,5$ và mức ý nghĩa bằng 0 (sig = 0,000). Vì vậy, có thể kết luận phân tích nhân tố rất phù hợp với tập dữ liệu.

Bảng 6: Phân tích nhân tố EFA biến phụ thuộc

	Nhân tố
	1
QĐTN4	0,769
QĐTN3	0,723
QĐTN2	0,717
QĐTN1	0,706
QĐTN5	0,769
Eigenvalue	2,127
Phương sai trích (%)	53,182

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát, 2025.

Bảng 6 cho thấy, có duy nhất một nhân tố được trích ra từ 5 biến quan sát được gọi là nhân tố Quyết định tham gia hoạt động tình nguyện. Hệ số Eigenvalue là > 1 , các biến đều có trọng số

$> 0,5$ và phương sai trích đạt được 53,182% cho biết nhân tố rút trích giải thích được 53,182% sự biến thiên của dữ liệu. Vậy các biến quan sát trong thang đo Quyết định tham gia hoạt động tình nguyện đều quan trọng và có ý nghĩa thiết thực.

Từ kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) ở phần trên, nhóm tác giả chính thức đưa ra mô hình nghiên cứu lý thuyết gồm 7 yếu tố tác động đến quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu. Cụ thể, mô hình này có 8 biến bao gồm 1 biến phụ thuộc (Quyết định tham gia hoạt động tình nguyện) và 7 biến độc lập: (1) giá trị cảm xúc, (2) thương hiệu truyền thông, (3) giá trị điều kiện, (4) giá trị chức năng, (5) giá trị xã hội, (6) giá trị nghề nghiệp, (7) giá trị tri thức, được đo lường bởi 32 biến quan sát.

5.5. Phân tích hồi quy

Bảng 7: Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R ²	Hệ số R ² hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Hệ số Durbin Watson
1	0,771 ^a	0,595	0,585	0,44495	1,122
a. Biến độc lập: THPT, GTCN, GTCX, GTĐK, GTNN, GTXH, GTTT					
b. Biến phụ thuộc: QĐTN					

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát, 2025.

Bảng 7 cho thấy, giá trị hệ số R² là 0,595 điều này có nghĩa là các biến độc lập trong mô hình giải thích được 59,5% sự biến thiên của quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu, còn lại 40,5% được giải thích bởi các yếu tố khác không có trong mô hình này.

Giá trị hệ số R² hiệu chỉnh là 0,585 nhỏ hơn R² chưa hiệu chỉnh là 0,595. Hệ số R² hiệu chỉnh của mô hình là 58,5% cho thấy mức độ phù hợp của mô hình tương đối tốt và sự phù hợp này chỉ đúng với dữ liệu mẫu này. Do đó cần tiến hành kiểm định độ phù hợp của mô hình này.

Kiểm định Durbin Watson = 1,122 nằm trong khoảng $[1 < D < 3]$ nên không có hiện tượng tương quan của các phần dư.

Bên cạnh đó, giá trị Sig rất nhỏ ($\text{Sig} = 0,000 < 0,05$) nên bác bỏ giả thuyết H₀. Điều này có nghĩa là các biến độc lập trong mô hình có tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc, tức là sự kết hợp của các biến độc lập có thể giải thích được sự thay đổi của biến phụ thuộc.

Bảng 8: Thông số thống kê từng biến trong mô hình

Mô hình		Hệ số chưa chuẩn hoá		Hệ số chuẩn hoá	t	Sig.	Thông kê đa cộng tuyến	
		B	Sai số chuẩn	Beta			Độ chấp nhận	Hệ số VIF
1	(Hằng số)	-0,667	0,215		-3,103	0,002		
	GTCN	0,127	0,047	0,124	2,685	0,008	0,648	1,542
	GTXH	0,110	0,046	0,105	2,363	0,019	0,703	1,423
	GTNN	0,197	0,044	0,205	4,493	0,000	0,667	1,499
	GTĐK	0,224	0,037	0,244	6,133	0,000	0,878	1,139
	GTCX	0,122	0,034	0,154	3,601	0,000	0,761	1,314
	TTTT	0,313	0,050	0,290	6,307	0,000	0,658	1,520
	THTT	0,199	0,035	0,221	5,765	0,000	0,940	1,064

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu khảo sát, 2025.

Bảng 8 cho thấy, các biến đều có ý nghĩa về mặt thống kê vì $\text{Sig} < 0,05$. Ngoài ra, chúng ta cũng thấy rằng hệ số phóng đại phương sai VIF < 2 chứng tỏ không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Trong các yếu tố tác động đến quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên Trường Đại

học Bạc Liêu thì yếu tố giá trị tri thức có mức tác động cao nhất ($\beta = 0,290$) tiếp theo là các yếu tố giá trị điều kiện ($\beta = 0,244$), thương hiệu truyền thông ($\beta = 0,221$), giá trị nghề nghiệp ($\beta = 0,205$), giá trị cảm xúc ($\beta = 0,154$), giá trị chức năng ($\beta = 0,124$) và cuối cùng là yếu tố giá trị xã hội ($\beta = 0,105$).

Phương trình hồi quy theo hệ số Beta chuẩn hoá như sau:

$$Y = 0,290*GTTT + 0,244*GTĐK + 0,221*THTT + 0,205*GTNN + 0,154*GTCX + 0,124*GTCN + 0,105*GTXH$$

Căn cứ vào kết quả hồi quy cho ta thấy:

Giả thuyết H_1 có ý nghĩa về mặt thống kê, vậy giả thuyết H_1 được chấp nhận.

Giả thuyết H_2 có ý nghĩa về mặt thống kê, vậy giả thuyết H_2 được chấp nhận.

Giả thuyết H_3 có ý nghĩa về mặt thống kê, vậy giả thuyết H_3 được chấp nhận.

Giả thuyết H_4 có ý nghĩa về mặt thống kê, vậy giả thuyết H_4 được chấp nhận.

Giả thuyết H_5 có ý nghĩa về mặt thống kê, vậy giả thuyết H_5 được chấp nhận.

Giả thuyết H_6 có ý nghĩa về mặt thống kê, vậy giả thuyết H_6 được chấp nhận.

Giả thuyết H_7 có ý nghĩa về mặt thống kê, vậy giả thuyết H_7 được chấp nhận.

6. Kết luận và hàm ý quản trị

6.1. Kết luận

Với 300 bảng câu hỏi khảo sát được phát ra và đã thu hồi về 300 bảng khảo sát hợp lệ. Nhóm tác giả tiến hành phân tích với những số liệu sau khi khảo sát. Kết quả như sau: Kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha được tiến hành tất cả các biến quan sát đều đạt độ tin cậy và được giữ nguyên để tiến hành phân tích nhân tố khám phá (EFA). Khi phân tích nhân tố khám phá (EFA) thì 32 biến quan sát ban đầu giữ nguyên. Sau khi phân tích nhân tố khám phá (EFA), nhóm tác giả tiếp tục tiến hành phân tích hồi quy tương quan, kết quả cho thấy cả 7 yếu tố đều tác động đến quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.

6.2. Hàm ý quản trị

➤ Yếu tố giá trị tri thức

Nhà trường cần chủ động xây dựng và triển khai các chương trình tình nguyện theo hướng cụ thể, có mục tiêu rõ ràng nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, phát triển bản thân của sinh viên. Cụ thể, nhà trường nên tổ chức các hoạt động tình nguyện gắn với cộng đồng địa phương như: hỗ trợ học tập cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, tham gia các chương trình bảo vệ môi trường, hỗ trợ người yếu thế hoặc tham gia các dự án phát triển nông thôn, qua đó giúp sinh viên tích lũy kinh nghiệm sống. Bên cạnh đó, nhà trường nên tổ chức các buổi tập huấn trước khi tình nguyện và các buổi tổng kết, chia sẻ kinh nghiệm sau khi kết thúc hoạt động nhằm giúp sinh viên hệ thống hóa kiến thức, rút ra bài học và định hướng phát triển bản thân. Việc công nhận kết quả tham gia tình nguyện thông qua điểm rèn luyện, chứng nhận hoặc tích hợp vào hoạt động đào tạo bổ trợ cũng là một giải pháp quan trọng để khuyến khích sinh viên tham gia tình nguyện với mục tiêu học tập, nâng cao kỹ năng và mở rộng kiến thức.

➤ Yếu tố giá trị điều kiện

Nhà trường cần tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên dễ dàng tham gia hoạt động tình nguyện bằng cách tổ chức các chương trình vào thời điểm phù hợp như dịp hè hoặc các kỳ nghỉ lễ, tránh trùng với cao điểm học tập và thi cử. Đồng thời, nhà trường cần bố trí thời gian tham gia linh hoạt, thời lượng hợp lý để sinh viên có thể chủ động sắp xếp quỹ thời gian cá nhân. Bên cạnh đó, cần hỗ trợ một phần kinh phí, phương tiện di chuyển và cơ sở vật chất cần thiết cho tình nguyện viên nhằm giảm áp lực tài chính và đảm bảo điều kiện tham gia thuận lợi.

➤ Yếu tố thương hiệu truyền thông

Nhà trường cần tổ chức các chương trình tình nguyện một cách chuyên nghiệp thông qua việc xây dựng chính sách khuyến khích cụ thể như: cấp áo thun, huy hiệu, quà tặng và giấy chứng nhận cho tình nguyện viên. Đồng thời, cần đẩy mạnh truyền thông đa kênh trên fanpage Đoàn – Hội, website, câu lạc bộ và poster nhằm bảo đảm chương trình được quảng bá rộng rãi. Thông tin về hoạt động tình nguyện phải được công bố rõ ràng, chi tiết và dễ tiếp cận, bao gồm mục tiêu, nội dung, thời gian, địa điểm và quyền lợi của sinh viên tham gia.

➤ **Yếu tố giá trị nghề nghiệp**

Nhà trường cần tổ chức các chương trình tình nguyện gắn với định hướng nghề nghiệp và nhu cầu của thị trường lao động, chẳng hạn như các dự án tình nguyện chuyên môn theo ngành học, chương trình thực tập kết hợp tình nguyện hoặc hoạt động phục vụ cộng đồng tại doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cơ quan nhà nước. Thông qua các hoạt động này, sinh viên không chỉ tích lũy kinh nghiệm thực tế có lợi cho nghề nghiệp tương lai mà còn có cơ hội mở rộng các mối quan hệ nghề nghiệp, kết nối với nhà tuyển dụng tiềm năng. Đồng thời, nhà trường nên tạo điều kiện để sinh viên tham gia các chương trình tình nguyện tại nhiều lĩnh vực và môi trường làm việc khác nhau nhằm giúp họ khám phá, định hướng và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp.

➤ **Yếu tố giá trị cảm xúc**

Nhà trường cần tổ chức các hoạt động tình nguyện theo hướng tạo ra sự thư giãn, vui vẻ và trải nghiệm tích cực cho sinh viên thông qua những hình thức cụ thể như tình nguyện kết hợp sinh hoạt tập thể, dã ngoại, hoạt động ngoài trời, trồng cây, làm sạch môi trường, tổ chức trò chơi hoặc giao lưu văn hóa tại cộng đồng địa phương. Đồng thời, nhà trường cần xây dựng môi trường tình nguyện thân thiện, thoải mái, không đặt nặng áp lực thành tích, khuyến khích sinh viên tham gia giao lưu, chia sẻ cảm xúc và hỗ trợ lẫn nhau để giảm căng thẳng, cải thiện tinh thần và nâng cao sự tự tin. Thông qua việc triển khai các hoạt động này, tình nguyện không chỉ mang ý nghĩa xã hội mà còn trở thành kênh giúp sinh viên giải tỏa stress, tìm kiếm niềm vui và tích lũy những trải nghiệm đáng nhớ.

➤ **Yếu tố giá trị chức năng**

Nhà trường cần tổ chức các chương trình tình nguyện hướng trực tiếp đến việc hỗ trợ các nhóm yếu thế như dạy học miễn phí cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, chăm sóc và thăm hỏi người cao tuổi, hỗ trợ phụ nữ và người khuyết tật tại cộng đồng địa phương. Đồng thời, nhà trường nên triển khai các chiến dịch truyền thông và hoạt động trải nghiệm nhằm lan tỏa các giá trị nhân văn như: lòng nhân ái, sự cảm thông, tinh thần sẻ chia và trách nhiệm xã hội thông qua các buổi sinh hoạt chuyên đề, tọa đàm và ngày hội tình nguyện. Bên cạnh đó, các hoạt động bảo vệ môi trường như dọn dẹp rác thải, trồng cây xanh, tuyên truyền phân loại rác và phòng chống tệ nạn xã hội cần được tổ chức thường xuyên để sinh viên thấy rõ đóng góp thực tiễn của mình đối với cộng đồng. Ngoài ra, nhà trường cần chú trọng công tác tổ chức và quản lý chương trình tình nguyện thông qua việc xây dựng kế hoạch rõ ràng, phân công nhiệm vụ cụ thể, tập huấn kỹ năng trước khi tham gia và đánh giá kết quả sau mỗi hoạt động nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của các chương trình tình nguyện.

➤ **Yếu tố giá trị xã hội**

Trước hết, các chương trình tình nguyện nên được tổ chức theo hình thức tập thể, khuyến khích sinh viên đăng ký theo nhóm bạn, câu lạc bộ hoặc chi đoàn nhằm tạo sự lan tỏa và động lực tham gia từ bạn bè. Bên cạnh đó, nhà trường cần đẩy mạnh công tác truyền thông về hoạt động tình nguyện trên các kênh chính thức như website, fanpage, bảng tin và các sự kiện sinh viên, đồng thời tuyên dương, khen thưởng và tôn vinh kịp thời các tập thể, cá nhân tiêu biểu để gia tăng sự công nhận từ xã hội và cộng đồng. Nhà trường cũng nên phối hợp với gia đình trong việc thông tin, vận động và ghi nhận kết quả tham gia tình nguyện của sinh viên, qua đó tạo sự đồng thuận và ủng hộ từ người thân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bennett, R., & Barkensjo, A. (2005). Internal marketing, negative experiences, and volunteers' commitment to providing high-quality services. *Journal of Services Marketing*, 19(5), 290–302. <https://doi.org/10.1108/08876040510609959>
- Bussell, H., & Forbes, D. (2002). Understanding the volunteer market: The what, where, who and why of volunteering. *International Journal of Nonprofit and Voluntary Sector Marketing*, 7(3), 244–257. <https://doi.org/10.1002/nvsm.183>
- Clary, E. G., Snyder, M., Ridge, R. D., Copeland, J., Stukas, A. A., Haugen, J., & Miene, P. (1998). Understanding and assessing the motivations of volunteers: A functional approach. *Journal of Personality and Social Psychology*, 74(6), 1516–1530. <https://doi.org/10.1037/0022-3514.74.6.1516>

- Clerkin, R. M., Paynter, S. R., & Taylor, J. K. (2017). Public service motivation in undergraduate giving and volunteering decisions. *The American Review of Public Administration*, 47(8), 879–895. <https://doi.org/10.1177/0275074015623822>
- Đặng, P. T. (2017). *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên Trường Đại học Nha Trang* [Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Nha Trang].
- Đỗ, V. H., Bùi, K. O., Lê, P. N., & Nguyễn, T. K. (2023). Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực tham gia hoạt động tình nguyện của sinh viên trên địa bàn Hà Nội. *Tạp chí Khoa học – ĐH Thủ đô*, 70, 86–99.
- Handy, F., Cnaan, R. A., Hustinx, L., Kang, C., Brudney, J. L., Haski-Leventhal, D., Holmes, K., Meijs, L. C. P. M., Pessi, A. B., Ranade, B., Smith, K. A., Yamauchi, N., & Zrinscak, S. (2010). A cross-cultural examination of student volunteering: Is it all about résumé building? *Nonprofit and Voluntary Sector Quarterly*, 39(3), 498–523. <https://doi.org/10.1177/0899764009344353>
- Hoàng, T., & Chu, N. M. N. (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Tập 1 - 2.
- Holdsworth, C. (2016). Volunteering, choice and control: A case study of higher education student volunteering. *Journal of Youth Studies*, 19(1), 1–17. <https://doi.org/10.1080/13676261.2015.1048208>
- Lee, Y. J., & Won, D. (2018). The effects of student volunteerism on career development and employability. *Journal of Career Development*, 45(3), 230–245. <https://doi.org/10.1177/0894845316679360>
- Nguyễn, T. N., & Nguyễn, T. T. H. (2022). Hoạt động tình nguyện của sinh viên Khoa điều dưỡng - kỹ thuật y học và các yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 519, 117–129.
- Nguyễn, L. T. M. (2016). *Hoạt động tình nguyện của thanh niên trong xây dựng cộng đồng hiện nay*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Nguyễn, T. T. (2023). *Ảnh hưởng của các hoạt động tình nguyện đến quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên Học viện Hành chính Quốc gia* [Luận án Tiến sĩ, Học viện Hành chính Quốc gia].
- Nguyễn, V. H. (2019). Hoạt động trải nghiệm và phát triển năng lực sinh viên. *Tạp chí Giáo dục*, 457, 34–38.
- Thoits, P. A. (2015). Stress and health: Major findings and policy implications. *Journal of Health and Social Behavior*, 56(1), 1–19.
- UNESCO. (2024). *Global education monitoring report 2024: Education and civic engagement*, UNESCO Publishing.
- Võ, Đ. T. (2020). *Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia hoạt động tình nguyện của thanh niên Quận 3* [Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM].
- Wilson, J. (2012). Volunteerism research: A review essay. *Nonprofit and Voluntary Sector Quarterly*, 41(2), 176–212. <https://doi.org/10.1177/0899764011434558>